

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-12-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hào

Ông Phạm Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1988;

Đăng ký hộ khẩu: **Xóm P (xóm A cũ), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

- Bị đơn: Anh **Lã Văn V**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: **Xóm P (xóm A cũ), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa: Chị **Phạm Thị M**, anh **Lã Văn V** đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị **Phạm Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lã Văn V** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 9 năm 2007 tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.** Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn, ngày 03/7/2017 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, có sự khác biệt nhau trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống ngày càng xa cách, không còn quan tâm cũng như nói chuyện với nhau nữa. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lã Văn V**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có ba con chung là cháu **Lã Ngọc P**, sinh ngày 01-12-2008, cháu **Lã Ngọc T**, sinh ngày 01-12-2008 và cháu **Lã Hoàng L**, sinh ngày 15-3-2012, hiện nay ba con chung đang ở cùng anh **V** và bà nội. Khi ly hôn chị đề nghị giao ba con chung cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, chị cấp dưỡng cho cháu **P**, cháu **T**, cháu **L** 1.500.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng chị không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại Bản tự khai, bị đơn anh **Lã Văn V** trình bày: Anh và chị **Phạm Thị M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 9 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **H**, tỉnh **Nam Định**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng cách giải quyết, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chị **M** đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản còn anh sinh sống và làm việc tại Việt Nam, khoảng cách địa lý xa cách nên ít liên lạc và không tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh cũng nhất trí ly hôn với chị **M**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có ba con chung là cháu **Lã Ngọc P**, sinh ngày 01-12-2008, cháu **Lã Ngọc T**, sinh ngày 01-12-2008 và cháu **Lã Hoàng L**, sinh ngày 15-3-2012, hiện nay ba cháu đều đang ở cùng anh. Khi ly hôn đề nghị giao ba con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh cũng đồng ý việc chị **M** cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Cháu **Lã Ngọc P**, cháu **Lã Ngọc T** và cháu **Lã Hoàng L** đều có đơn trình bày: Các cháu là con của bố **Lã Văn V** và mẹ **Phạm Thị M**. Hiện nay mẹ **M** đi làm ăn xa, bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với bố **V**.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử lý hôn giữa chị **Phạm Thị M** và anh **Lã Văn V**. Giao ba con chung là các cháu **Lã Ngọc P**, sinh ngày 01-12-2008, cháu **Lã Ngọc T**, sinh ngày 01-12-2008 và cháu **Lã Hoàng L**, sinh ngày 15-3-2012 cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị **M** cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu.

Án phí: Chị **M** phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Phạm Thị M** và anh **Lã Văn Việt A** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **M**, anh **V**.

[2] Về nội dung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Lã Văn V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25-9-2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, chị **M** đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản còn anh **V** sinh sống ở Việt Nam; anh chị đều xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không thể hàn gắn; chị **M** xin ly hôn, anh **V** đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, nên xử cho anh chị ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị **M** và anh **V** có ba con chung là các cháu **Lã Ngọc P**, sinh ngày 01-12-2008, cháu **Lã Ngọc T**, sinh ngày 01-12-2008 và cháu **Lã Hoàng L**, sinh ngày 15-3-2012. Hiện nay chị **M** đang ở nước ngoài, cả ba con chung đang ở với anh **V** và các cháu đều có nguyện vọng ở với anh **V**. Vì vậy cần giao ba con chung cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của các đương sự là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **M** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/cháu, anh **V** đồng ý mức cấp dưỡng của chị **M**. Vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị **M** về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị M** phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị **Phạm Thị M** và anh **Lã Văn V**.

2. Về con chung: Giao ba con chung là các cháu **Lã Ngọc P**, sinh ngày 01-12-2008, cháu **Lã Ngọc T**, sinh ngày 01-12-2008 và cháu **Lã Hoàng L**, sinh ngày 15-3-2012 cho anh **Lã Văn V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Chị **Phạm Thị M** phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **V** 1.500.000đ/tháng/cháu.

Chị **M** có quyền chăm sóc, thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh **V**. Anh **V** cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị **M** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị **Phạm Thị M** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại Biên lai số 0004316 ngày 03-10-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, chị **M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Phạm Thị M** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị **M** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, anh **V** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Hải Hà;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

